

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Quách Thị Tinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/01/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Thủ Chính, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Thủ Chính, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L vắng mặt anh K (anh Kiên có đơn đề nghị xét xử vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, trong bản tự khai ngày 21/01/2019 và trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2010 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Thêm vào đó, anh K thường xuyên

bài bạc, rượu chè và đã nhiều lần chửi bới, đánh đập chị. Không chịu được cuộc sống như vậy nên đến tháng 09/2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 11/7/2011 và Nguyễn Như..., sinh ngày 02/3/2016. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức L và giao cháu Nguyễn Như ... cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L thay đổi ý kiến về việc nuôi con, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như ..., anh K nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai đề ngày 21/01/2019 và trong phiên hòa giải, anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2010 tại UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên có lúc đã xảy ra cãi cọ. Tuy nhiên, chị L nói anh thường xuyên rượu chè, bài bạc và đánh đập chị là không đúng thực tế. Chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 11/2018 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn chị L.

Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 11/7/2011 và Nguyễn Như ..., sinh ngày 02/3/2016. Ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh làm thợ xây, có thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ (Tám triệu đồng)/tháng nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cả hai con mà không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Xét thấy, giữa chị L và anh K mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị L và anh K được ly hôn. Về con cái, giao cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 11/7/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như ..., sinh ngày 02/3/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong vụ án, do các bên đương sự đang có tranh chấp về việc nuôi con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2010 tại UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2018 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị L và anh K đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã Thành Trục xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị L và anh K đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

[3]. Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 11/7/2011 và Nguyễn Như ..., sinh ngày 02/3/2016. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Như ... và giao cháu Nguyễn Đức L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong khi đó, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên là chính đáng, cả hai bên đều phải có trách nhiệm san sẻ bớt gánh nặng trong việc nuôi con, nghĩ nên giao con chung cho cả hai bên là phù hợp với thực tiễn cũng như các quy định của pháp luật. Xét thấy, cháu Như ... đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu lại là con gái nên ở với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về tâm, sinh lý cũng như phù hợp về mặt giới tính, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Như ... cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh K không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Như ..., sinh ngày 02/3/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 11/7/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh K có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003524 ngày 08/01/2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L vắng mặt anh K. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

